

QUỐC HỘI

Luật số: 125/2025/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LUẬT
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC



Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Giáo dục đại học.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động giáo dục đại học; tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục đại học; trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý và phát triển giáo dục đại học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Luật này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học áp dụng quy định của Luật này trong phạm vi hoạt động giáo dục đại học.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hoạt động giáo dục đại học là những hoạt động xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; điều kiện bảo đảm chất lượng; tuyển sinh, tổ chức đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá, kiểm định chất lượng.
- Quyền tự chủ là quyền được chủ động quyết định gắn với trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật về chuyên môn học thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính và hoạt động giáo dục đại học khác.
- Trách nhiệm giải trình là việc cung cấp, cập nhật, công khai, minh bạch thông tin, tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin, kiến nghị từ các bên liên quan;

báo cáo, chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và xã hội.

4. Liêm chính học thuật là việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn; bảo đảm trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; không sao chép, xuyên tạc, làm giả dữ liệu, vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ.

5. Tự do học thuật là quyền được giảng dạy, học tập, nghiên cứu, trao đổi, công bố, phản biện theo quy định của pháp luật trên cơ sở chuẩn mực nghề nghiệp, liêm chính học thuật phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội.

6. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế, tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đào tạo, cấp văn bằng hoặc chứng chỉ giáo dục đại học cho người học.

7. Ngành đào tạo là đơn vị phân loại các chương trình đào tạo có cùng mục tiêu, nội dung kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp.

8. Lĩnh vực đào tạo là đơn vị phân loại các ngành đào tạo có đặc điểm chung về chuyên môn, nghề nghiệp.

9. Chứng chỉ giáo dục đại học là chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân xác nhận kết quả học tập giáo dục đại học đã tích lũy của người học.

10. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học là tập hợp các dữ liệu điện tử về giáo dục đại học được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động giáo dục đại học

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học; hiệu lực quản lý nhà nước, sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Bảo đảm chất lượng, hiệu quả, công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học, thúc đẩy học tập suốt đời.

4. Bảo đảm tự do học thuật gắn với liêm chính học thuật và trách nhiệm đối với cộng đồng.

5. Phát triển nhân tài, gắn kết đào tạo nhân lực trình độ cao với nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Thúc đẩy hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch dựa trên chất lượng, hiệu quả.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học

1. Nhà nước xác định giáo dục đại học là nòng cốt trong phát triển nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại, chất lượng, linh hoạt, liên thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước.

2. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, hỗ trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học công lập đào tạo một số ngành, lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế; hỗ trợ một phần kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học công lập nâng chuẩn; thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học tự thực phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo cơ chế thu hút, huy động nguồn lực xã hội để hiện đại hóa giáo dục đại học; bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho cơ sở giáo dục đại học không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính.

3. Nhà nước đầu tư hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật; nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trung tâm đào tạo - nghiên cứu xuất sắc, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở đào tạo giáo viên.

Ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược; bảo đảm kinh phí cho nghiên cứu, chuyển giao tri thức, đổi mới sáng tạo gắn với đào tạo sau đại học, khởi nghiệp.

4. Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực số, ngoại ngữ; trọng dụng, thu hút nhân tài, nhà khoa học, giảng viên xuất sắc trong và ngoài nước.

5. Nhà nước thực hiện chính sách tài chính, học bổng, học phí, tín dụng ưu đãi và các hình thức hỗ trợ khác cho người học; ưu tiên các đối tượng thuộc diện chính sách, đối tượng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, nhóm yếu thế, người học sau đại học.

6. Nhà nước có chính sách đẩy mạnh hợp tác công tư, hỗ trợ triển khai hiệu quả hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp; hội nhập quốc tế, thu hút nguồn lực trong và ngoài nước nâng cao vị thế giáo dục đại học Việt Nam.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đại học

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục đại học theo quy định của pháp luật.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao có trách nhiệm nghiên cứu, dự báo nhu cầu nhân lực của

ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý về giáo dục đại học trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý về giáo dục đại học trên địa bàn trong phạm vi được phân quyền, phân cấp; hỗ trợ phát triển cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn; thực hiện xã hội hóa giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại địa phương.

Điều 7. Chiến lược phát triển giáo dục đại học

1. Chiến lược phát triển giáo dục đại học xác định tầm nhìn, mục tiêu tổng thể, các định hướng lớn phát triển giáo dục đại học trong từng giai đoạn bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển giáo dục đại học bao gồm:

- a) Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm cân đối vùng miền, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh;
- b) Xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên trong từng giai đoạn;
- c) Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;
- d) Định hướng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ mới, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế.

3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục đại học.

Điều 8. Mục tiêu đào tạo, chương trình, văn bằng và chứng chỉ

1. Mục tiêu đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được quy định như sau:

- a) Đào tạo trình độ đại học nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực cơ bản trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, thực hành nghề nghiệp;
- b) Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thực hành nghề nghiệp của người học;
- c) Đào tạo trình độ tiến sĩ phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề thực tiễn của người học.

2. Chương trình đào tạo cấp văn bằng bao gồm:

- a) Chương trình đào tạo trình độ đại học cấp bằng cử nhân;
- b) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cấp bằng thạc sĩ hoặc tích hợp đại học và thạc sĩ cấp bằng tương ứng với trình độ đã hoàn thành;

- c) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cấp bằng tiến sĩ hoặc tích hợp thạc sĩ và tiến sĩ cấp bằng tương ứng với trình độ đã hoàn thành;
- d) Chương trình đào tạo chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù cấp văn bằng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- đ) Chương trình đào tạo chuyên sâu sau đại học thuộc lĩnh vực sức khỏe cấp văn bằng bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa do Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn, tổ chức thực hiện và quản lý.

3. Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học được thiết kế độc lập hoặc là một cấu phần của chương trình đào tạo cấp văn bằng, có giá trị công nhận trong hệ thống giáo dục đại học.

Điều 9. Chuẩn cơ sở giáo dục đại học

- 1. Chuẩn cơ sở giáo dục đại học quy định các yêu cầu về điều kiện bảo đảm chất lượng, chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; được rà soát, cập nhật định kỳ, bảo đảm tiệm cận và từng bước hội nhập chuẩn khu vực, quốc tế.
- 2. Chuẩn cơ sở giáo dục đại học là căn cứ quy hoạch mạng lưới, đầu tư phát triển, đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, cấp phép, thu hồi cấp phép hoạt động, đình chỉ tuyển sinh.
- 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học, hướng dẫn việc áp dụng, đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học thực hiện đào tạo các ngành sức khỏe; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học thực hiện đào tạo các ngành pháp luật.

Điều 10. Ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học

- 1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tiên tiến khác có kiểm soát trong quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục đại học.
- 2. Việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học đáp ứng những yêu cầu sau đây:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và nguyên tắc đạo đức trong công nghệ;
 - b) Bảo đảm chất lượng đào tạo và nghiên cứu;

- c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản trị; bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu;
 - d) Bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng của người học đối với hạ tầng, nền tảng và tài nguyên số;
 - đ) Bảo đảm minh bạch và giải trình về các giải pháp công nghệ khi có ảnh hưởng đến quyết định quản lý, quản trị hoặc học thuật;
 - e) Nâng cao chuẩn năng lực số, năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo của giảng viên, cán bộ quản lý và người học;
 - g) Bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, lợi ích hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học, cá nhân có liên quan.
3. Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục khác để tổ chức bồi dưỡng, đào tạo về năng lực số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tiên tiến cho giảng viên, cán bộ quản lý, người học.
4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết về ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học.

Điều 11. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Cơ sở giáo dục đại học bao gồm:
- a) Trường đại học, trường đại học có tên gọi là học viện, đào tạo nhiều ngành ở các trình độ của giáo dục đại học; có tổ chức bộ máy gồm phòng chức năng, trường thuộc, khoa hoặc đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là khoa), bộ môn hoặc đơn vị tương đương không phải là đơn vị hành chính do cơ sở giáo dục đại học tự quyết định thành lập hoặc không thành lập (sau đây gọi chung là bộ môn);
 - b) Đại học đào tạo đa ngành ở tất cả các trình độ của giáo dục đại học; có tổ chức bộ máy gồm ban chức năng, trường thuộc, khoa, bộ môn;
 - c) Đại học quốc gia, đại học vùng đào tạo đa lĩnh vực ở tất cả các trình độ của giáo dục đại học; có tổ chức bộ máy gồm ban chức năng, trường đại học thành viên, viện nghiên cứu thành viên, trường thuộc, đơn vị trực thuộc, khoa, bộ môn;
 - d) Cơ sở giáo dục đại học thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với chính phủ nước ngoài có cơ cấu tổ chức và

hoạt động theo thỏa thuận của Hiệp định đó; trường hợp Hiệp định không quy định thì thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học bao gồm:

- a) Viện hàn lâm, viện nghiên cứu do Thủ tướng Chính phủ thành lập được phép đào tạo trình độ tiến sĩ;
- b) Trường, trường có tên gọi khác của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân được phép đào tạo một hoặc một số trình độ của giáo dục đại học trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý;
- c) Tổ chức, đơn vị được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ được phép đào tạo một hoặc một số trình độ của giáo dục đại học.

4. Điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập, cho phép thành lập và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tư thực; thu hồi quyết định thành lập, cho phép thành lập và hoạt động; đình chỉ hoạt động, đình chỉ tuyển sinh; sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục. Việc đặt tên cơ sở giáo dục đại học; điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận đại học quốc gia, đại học vùng, đại học thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 12. Sứ mạng, chức năng của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học

- 1. Cơ sở giáo dục đại học có sứ mạng, chức năng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát triển nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội, đất nước, nhân loại.
- 2. Đại học vùng thực hiện sứ mạng, chức năng quy định tại khoản 1 Điều này; tập hợp nguồn lực, thúc đẩy liên kết vùng, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của vùng; góp phần thực hiện chiến lược phát triển quốc gia.
- 3. Cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học thực hiện sứ mạng, chức năng theo lĩnh vực chuyên môn và nhiệm vụ được giao; phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và quốc gia theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 13. Đại học quốc gia

- 1. Đại học quốc gia là cơ sở giáo dục đại học công lập, có sứ mạng là trung tâm đào tạo chất lượng cao, phát triển nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát

triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm; thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.

2. Đại học quốc gia giữ vai trò nòng cốt, là trụ cột của hệ thống giáo dục đại học; phát triển các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu mũi nhọn đạt trình độ tiên phong, dẫn dắt đổi mới sáng tạo, khẳng định vị thế trong khu vực và quốc tế.

3. Đại học quốc gia có tổ chức, cơ chế phù hợp được bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện sứ mạng, vai trò theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia.

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học được tự chủ thực hiện các quyền hạn sau đây:

a) Xác định số lượng tuyển sinh, lựa chọn phương thức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo, cấp văn bằng khi đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng, trừ các ngành đào tạo giáo viên, quốc phòng và an ninh;

b) Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, sử dụng, khai thác hợp pháp tài sản, tài nguyên, sở hữu trí tuệ, hoạt động hợp tác quốc tế;

c) Thực hiện nội dung thu, chi, phân phối kết quả tài chính, quản lý tài sản, đầu tư phát triển, huy động các nguồn lực hợp pháp với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, trừ các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

d) Xác định số lượng người làm việc, tuyển dụng các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước làm việc tại cơ sở, trừ các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

đ) Được tổ chức thực hiện các trình độ đào tạo khác khi đáp ứng quy định của pháp luật có liên quan và của Chính phủ;

e) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm các nguyên tắc hoạt động giáo dục đại học;

b) Bảo đảm chất lượng, định kỳ đánh giá, rà soát, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo;

- c) Thực hiện sứ mạng cụ thể, chiến lược phát triển do cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt đối với cơ sở giáo dục đại học công lập; nhà đầu tư phê duyệt đối với cơ sở giáo dục đại học tư thực, phù hợp với chiến lược giáo dục đại học;
- d) Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị, quản lý; xây dựng mô hình giáo dục đại học số, bảo đảm an toàn thông tin, quyền sở hữu trí tuệ;
- đ) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; trách nhiệm đối với người học, xã hội;
- e) Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất; thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong, đánh giá, kiểm định chất lượng;
- g) Công khai trung thực, đầy đủ thông tin về tổ chức, hoạt động, chất lượng, tài chính; tiếp nhận, xử lý, phản hồi kiến nghị từ các bên liên quan; thực hiện hoạt động tự kiểm tra theo quy định của pháp luật;
- h) Báo cáo, cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật; cơ sở giáo dục đại học tư thực có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo khi có quyết định thay đổi nhà đầu tư;
- i) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học;
- k) Tham gia xây dựng, góp ý phản biện chính sách giáo dục và đào tạo;
- l) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên, người lao động, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- m) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học thực hiện quyền, trách nhiệm trong phạm vi hoạt động giáo dục đại học theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học được quy định như sau:

- a) Giám đốc, phó giám đốc đại học và tương đương; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường đại học và tương đương;
- b) Hội đồng đại học của đại học tư thực, hội đồng trường của trường đại học tư thực (sau đây gọi chung là hội đồng trường tư thực); hội đồng trường của cơ

sở giáo dục đại học thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với chính phủ nước ngoài;

c) Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng tư vấn khác;

d) Trường đại học thành viên của đại học quốc gia, đại học vùng là cơ sở giáo dục đại học, hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quốc gia, đại học vùng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Trường thuộc, phân hiệu, khoa, bộ môn (nếu có);

e) Viện, trung tâm nghiên cứu, đơn vị đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

g) Phòng, ban và các đơn vị khác;

h) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đơn vị khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở giáo dục đại học có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện của người học, người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện đối với cơ sở giáo dục đại học.

4. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học do giám đốc đại học, hiệu trưởng trường đại học và tương đương ban hành theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Giám đốc đại học, phó giám đốc đại học, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

1. Giám đốc đại học, hiệu trưởng trường đại học và tương đương (sau đây gọi chung là hiệu trưởng) là người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục đại học; đáp ứng tiêu chuẩn, thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

3. Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, điều động, chuyển chuyển giám đốc đại học quốc gia; cơ quan quản lý trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, điều động, chuyển chuyển hiệu trưởng, phó giám đốc đại học, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập; hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng, phó giám đốc đại học, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học tư thục.

4. Cơ sở giáo dục đại học thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với chính phủ nước ngoài thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo thỏa thuận giữa các bên. Trong trường hợp Hiệp định không quy định thì thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Hội đồng trường tư thực

1. Hội đồng trường tư thực là tổ chức quản trị, đại diện các bên liên quan, quyết định định hướng phát triển, cơ cấu tổ chức, sử dụng nguồn lực, giám sát việc thực hiện chiến lược, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học tư thực.

2. Hội đồng trường tư thực hoạt động theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm trước pháp luật và các bên liên quan về các quyết định của hội đồng trường; không trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở giáo dục đại học tư thực.

3. Thành phần hội đồng trường tư thực gồm đại diện nhà đầu tư, lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, người học, người lao động, các bên liên quan bảo đảm tính đại diện, khách quan, phù hợp với loại hình cơ sở.

4. Nhà đầu tư bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học tư thực.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên hội đồng trường, nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ; quy trình bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường tư thực; cơ chế hoạt động và giám sát của hội đồng trường tư thực.

Điều 18. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo là tổ chức có chức năng tư vấn về chuyên môn học thuật, định hướng đào tạo, bảo đảm chất lượng, nghiên cứu khoa học và công nghệ, phát triển đội ngũ giảng viên, hợp tác quốc tế, liên chính học thuật của cơ sở giáo dục đại học.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo do hiệu trưởng thành lập, làm việc theo nguyên tắc tập thể, chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về nội dung tư vấn.

3. Thành phần hội đồng gồm đại diện lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chính quyền địa phương, một số chuyên gia do hiệu trưởng quyết định.

4. Tổ chức, hoạt động, quy trình thành lập hội đồng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 19. Trường thuộc, khoa, bộ môn và đơn vị đào tạo

1. Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học, không có tư cách pháp nhân, được phân cấp quản lý, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Trường thuộc, khoa, bộ môn và đơn vị đào tạo trực tiếp thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ cộng đồng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; được thành lập theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm cả các hình thức liên kết, hợp tác, đầu tư quy định tại **Điều 43 và Điều 44 của Luật này**.

3. Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, phân cấp quản lý đối với trường thuộc, khoa, bộ môn, đơn vị đào tạo được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Địa điểm đào tạo, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học

1. Địa điểm đào tạo của cơ sở giáo dục đại học trong nước bao gồm:

a) Trụ sở chính, nơi tổ chức hoạt động giáo dục đại học, thực hiện chức năng quản trị, điều hành theo quy định của Luật này, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

b) Phân hiệu, nơi tổ chức hoạt động giáo dục đại học, có hoặc không có bộ máy quản lý do cơ sở giáo dục đại học quyết định; không có tư cách pháp nhân; thực hiện một phần chức năng quản trị, điều hành theo phân cấp, ủy quyền trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

c) Địa điểm đào tạo khác là nơi tổ chức toàn bộ hoặc một phần chương trình đào tạo, chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của cơ sở giáo dục đại học; đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng, gồm địa điểm thuộc sở hữu của cơ sở giáo dục đại học, địa điểm thuộc quyền sử dụng hợp pháp, địa điểm liên kết đào tạo, địa điểm đào tạo thực hành.

2. Phân hiệu, văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam ở nước ngoài không thuộc cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học trong nước quy định tại **khoản 1 Điều 15 của Luật này**; bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật nước sở tại; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo khi triển khai hoạt động đào tạo.

3. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định như đối với cơ sở giáo dục đại học tự thực do nhà đầu tư nước ngoài thành lập, bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thẩm quyền thành lập, cấp phép hoạt động, dừng tuyển sinh, đình chỉ hoạt động, giải thể phân hiệu; quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm chất lượng của địa điểm đào tạo.

Chương III

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 21. Cấp phép hoạt động giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động giáo dục đại học theo quy định của Chính phủ.

2. Phạm vi cấp phép hoạt động giáo dục đại học bao gồm trình độ, ngành, lĩnh vực, phân hiệu, trụ sở chính; hoạt động đào tạo trên không gian số.

3. Cơ sở đào tạo chỉ tổ chức hoạt động giáo dục đại học trong phạm vi được cấp phép; bị đình chỉ hoặc thu hồi cấp phép trong trường hợp vi phạm điều kiện hoạt động giáo dục đại học hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan. Thẩm quyền cấp phép, thu hồi quyết định cấp phép hoạt động giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục.

Điều 22. Chuẩn chương trình đào tạo

1. Chuẩn chương trình đào tạo quy định những yêu cầu chung trong xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, gồm mục tiêu, yêu cầu đầu vào, chuẩn đầu ra, cấu trúc, khối lượng học tập tối thiểu, nguyên tắc kiểm tra, đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng.

2. Chuẩn chương trình đào tạo bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu của từng trình độ tương ứng quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Tính liên thông giữa các trình độ, giữa các ngành và liên ngành, tính cập nhật;

c) Gắn kết nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thiết kế, triển khai chương trình đào tạo;

d) Cho phép áp dụng các phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt, tạo điều kiện học tập suốt đời;

đ) Định kỳ rà soát, đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm sau đây:

- a) Quy định, ban hành chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, lĩnh vực trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành chuẩn chương trình đào tạo đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, pháp luật;
- b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, pháp luật, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, quốc phòng và an ninh;
- c) Kiểm tra, giám sát thực hiện chuẩn chương trình đào tạo.

Điều 23. Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thiết kế đơn ngành hoặc liên ngành, thuộc Danh mục ngành đào tạo; có thể tích hợp một số học phần ở trình độ cao hơn hỗ trợ người học phát triển năng lực nền tảng, tiếp cận trình độ đào tạo kế tiếp theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật, cải tiến định kỳ bảo đảm phù hợp thực tiễn, nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3. Cơ sở đào tạo chủ động xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn chương trình đào tạo; phát triển các chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm sau đây:

- a) Ban hành Danh mục ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- b) Quy định yêu cầu, quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo;
- c) Quy định quy trình biên soạn, ban hành chương trình, giáo trình dạy và học các môn học, học phần bắt buộc sử dụng chung trong chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 24. Phê duyệt, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt các chương trình đào tạo trừ những chương trình quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phê duyệt và cấp phép hoạt động.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc phê duyệt các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe trên cơ sở phối hợp với Bộ Y tế, lĩnh vực pháp luật trên cơ sở phối hợp với Bộ Tư pháp.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục phê duyệt, đình chỉ, chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- b) Quy định việc phê duyệt chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đối với các ngành, lĩnh vực không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 25. Tuyển sinh

1. Việc tuyển sinh phải bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch; có lộ trình phù hợp khi điều chỉnh, bảo đảm quyền lợi của người dự tuyển.

2. Cơ sở đào tạo xác định số lượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định số lượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Ban hành quy chế tuyển sinh các trình độ của giáo dục đại học bao gồm: nguồn tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, nguyên tắc, yêu cầu, quy trình tổ chức tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, việc đình chỉ tuyển sinh;
- b) Quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự và phương pháp xác định số lượng tuyển sinh;
- c) Quy định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên, các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe trên cơ sở phối hợp với Bộ Y tế, các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật trên cơ sở phối hợp với Bộ Tư pháp;
- d) Quyết định số lượng tuyển sinh đối với các ngành đào tạo giáo viên.

Điều 26. Tổ chức đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, học tập suốt đời của người học.

2. Hình thức đào tạo bao gồm:

- a) Đào tạo chính quy thực hiện tập trung toàn thời gian tại các địa điểm đào tạo được cấp phép hoạt động;

b) Đào tạo thường xuyên thực hiện theo thời gian linh hoạt, tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng được cấp phép hoạt động.

3. Phương thức tổ chức đào tạo gồm:

a) Trực tiếp;

b) Từ xa;

c) Kết hợp giữa trực tiếp và từ xa.

4. Giáo dục đại học số là mô hình tổ chức đào tạo dựa trên nền tảng số, cập nhật công nghệ mới, được triển khai qua các hình thức, phương thức đào tạo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu, tài nguyên giáo dục mở giữa cơ sở đào tạo và các bên liên quan, không giới hạn bởi không gian, thời gian.

5. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học có giá trị pháp lý xác nhận trình độ, năng lực của người học, được cấp theo quy định như sau:

a) Văn bằng giáo dục đại học cấp cho người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ở trình độ tương ứng;

b) Chứng chỉ giáo dục đại học cấp cho người học sau khi hoàn thành học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo.

6. Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học, người đứng đầu cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học thực hiện việc cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học.

7. Kết quả học tập đã tích lũy của người học được công nhận và chuyển đổi giữa các trình độ, hình thức, phương thức đào tạo, thời hạn giá trị kết quả học tập theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; quy định điều kiện triển khai các hình thức, phương thức đào tạo, chứng chỉ giáo dục đại học; mô hình giáo dục đại học số; khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 27. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ thì được hưởng quyền, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ.

2. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học gắn với đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhà khoa học, người học.

3. Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

a) Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ mới và dự báo xu hướng phát triển khoa học, công nghệ;

b) Chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào chương trình đào tạo, phát triển đào tạo chất lượng cao, liên ngành, tích hợp nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo;

c) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ là giảng viên, nhà khoa học, người học sau đại học, sinh viên tài năng trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược;

d) Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn, phản biện, chuyển giao tri thức phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh;

đ) Hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, địa phương để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo;

e) Phổ biến tri thức, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký bản quyền hoặc bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

g) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công cụ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu, phát triển công nghệ và quản trị đổi mới sáng tạo.

4. Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 28. Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp quản lý tài sản trí tuệ, vốn đầu tư vào doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật; phát triển nhóm nghiên cứu và tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các hình thức sau đây:

a) Hợp tác, thu hút chuyên gia, nhà khoa học ở trong và ngoài nước;

b) Xây dựng, phát triển mạng lưới nghiên cứu, chuyển giao công nghệ gắn với đào tạo, phát triển hệ thống thông tin khoa học, tạp chí chuyên ngành, tài sản

trí tuệ;

c) Quyết định chế độ đãi ngộ, bổ nhiệm chức vụ quản lý, sử dụng, trọng dụng nhà khoa học uy tín ở trong và ngoài nước;

d) Định giá, xác lập quyền sở hữu, khai thác, góp vốn, phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

đ) Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị nghiên cứu, không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm, phát triển và kết nối cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

3. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các hình thức sau đây:

a) Gắn kết nghiên cứu với đào tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, minh bạch; tuân thủ quy tắc đạo đức, liêm chính trong nghiên cứu khoa học;

b) Thực hiện quản trị, quản lý nội bộ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi quyền tự chủ của cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn lực và kết quả hình thành từ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Thành lập và vận hành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

đ) Công khai năng lực, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cập nhật thông tin hằng năm trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

Chương V

GIẢNG VIÊN, NHÂN SỰ HỖ TRỢ VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 29. Vị trí, chức danh giảng viên đại học

1. Giảng viên đại học là người giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học, đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Nhà giáo.

2. Giảng viên đại học bao gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên đồng cơ hữu, giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu, giảng viên thỉnh giảng. Giảng viên đồng cơ hữu là viên chức có trình độ tiến sĩ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trừ cơ sở giáo dục đại học, được giao nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học như giảng viên cơ hữu tại cơ sở giáo dục đại học công lập.

3. Chức danh giảng viên đại học bao gồm giáo sư, phó giáo sư và các chức danh khác, cụ thể như sau:

a) Giáo sư là chức danh cao nhất, thể hiện năng lực, uy tín khoa học và vai trò dẫn dắt chuyên môn, khai phá, sáng tạo tri thức mới;

b) Phó giáo sư là chức danh kế cận giáo sư, có chuyên môn sâu về một lĩnh vực khoa học cụ thể;

c) Các chức danh khác theo quy định của Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với giáo sư, phó giáo sư và các chức danh khác; việc sử dụng, quản lý và chính sách đối với giảng viên đồng cơ hữu.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

6. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của giảng viên đại học

1. Giảng viên cơ hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Nhà giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Giảng viên đồng cơ hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ sở đào tạo.

3. Giảng viên thỉnh giảng và giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở đào tạo.

Điều 31. Nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học

1. Nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học bao gồm những đối tượng theo quy định của Luật Giáo dục và các đối tượng sau đây:

a) Trợ giảng là chức danh kế cận giảng viên, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên trong hoạt động giảng dạy;

b) Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ giảng viên, người học trong thực hành, thí nghiệm và hoạt động nghiên cứu khác trong cơ sở giáo dục đại học;

c) Nhân sự hỗ trợ giảng dạy thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên trong hoạt động thực hành, thí nghiệm và hoạt động chuyên môn khác.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, bổ nhiệm, xếp lương nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học theo quy định

của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Người học

1. Người học thực hiện quyền, nghĩa vụ và được hưởng các chính sách theo quy định của Luật Giáo dục, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Người học được lựa chọn theo học chương trình đào tạo phù hợp với năng lực cá nhân khi đáp ứng điều kiện tuyển sinh; được tham gia hoạt động trợ giảng theo quy định của cơ sở đào tạo; được tạo điều kiện thực hành, thực tập tại doanh nghiệp và cơ quan sử dụng lao động trong quá trình học tập.
3. Người học được tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm, kết quả nghiên cứu thực hiện tại cơ sở đào tạo.

Chương VI

BẢO ĐẢM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Điều 33. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

1. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong có chức năng duy trì, phát triển văn hóa chất lượng; bảo đảm cải tiến chất lượng liên tục; công khai, minh bạch thông tin; nâng cao trách nhiệm giải trình trong quá trình hoạt động giáo dục đại học.
2. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong bao gồm: đơn vị hoặc bộ phận chuyên trách; chính sách chất lượng và các văn bản thực thi; bộ công cụ bảo đảm chất lượng với các quy trình, hệ thống thu thập, phân tích minh chứng; cơ chế phản hồi thông tin từ các bên liên quan; hệ thống thông tin quản lý; điều kiện cơ sở vật chất, tài chính vận hành hệ thống hiệu quả.
3. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm xây dựng, vận hành, giám sát, phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo tiêu chuẩn chất lượng trong nước hoặc quốc tế.

Điều 34. Tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng

1. Tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục đại học là căn cứ xác định mức độ đạt được về chất lượng giáo dục đại học.
2. Tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm:
 - a) Tiêu chuẩn đối với cơ sở giáo dục đại học;
 - b) Tiêu chuẩn đối với chương trình đào tạo các trình độ.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục đại học; công nhận tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục đại học của các tổ chức kiểm định.

Điều 35. Đánh giá chất lượng

1. Cơ sở đào tạo thực hiện đánh giá chất lượng theo các hình thức sau đây:

a) Tự đánh giá định kỳ;

b) Tự đánh giá theo chu kỳ kiểm định.

2. Cơ sở đào tạo tự tổ chức hoặc được sử dụng tư vấn chuyên môn phù hợp thực hiện đánh giá chất lượng.

3. Kết quả đánh giá chất lượng được sử dụng cho việc cải tiến chất lượng, công khai thông tin, thực hiện trách nhiệm giải trình và phục vụ kiểm định chất lượng theo quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc đánh giá chất lượng.

Điều 36. Kiểm định chất lượng

1. Đối tượng phải thực hiện kiểm định định kỳ bao gồm:

a) Cơ sở giáo dục đại học;

b) Chương trình đào tạo thuộc các ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe, pháp luật; chương trình đào tạo thuộc các ngành, lĩnh vực khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2. Cơ sở đào tạo lựa chọn tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận hoạt động tại Việt Nam, áp dụng tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định theo quy định sau đây:

a) Tổ chức kiểm định trong nước sử dụng bộ tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc công nhận;

b) Tổ chức kiểm định nước ngoài sử dụng bộ tiêu chuẩn của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

3. Tổ chức kiểm định bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, tổ chức và tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các chương trình đào tạo liên quan đến quốc phòng và an ninh không thuộc đối tượng bắt buộc kiểm định chất lượng nhưng phải tổ chức hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại **Điều 33 của Luật này** và quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định cơ sở giáo dục đại học, kiểm định chương trình đào tạo, tiêu chuẩn kiểm định, hướng dẫn nội dung, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng; công khai kết quả kiểm định; quy định về kiểm định viên, tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định về việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định và thẩm định kết quả kiểm định.

Điều 37. xếp hạng

1. Cơ sở đào tạo chủ động lựa chọn bảng xếp hạng phù hợp với định hướng phát triển; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của dữ liệu cung cấp cho tổ chức xếp hạng và công khai kết quả xếp hạng.

2. Tổ chức thực hiện xếp hạng phải có tư cách pháp nhân, năng lực chuyên môn độc lập, công khai phương pháp, tiêu chí, nguồn dữ liệu sử dụng; chịu trách nhiệm về tính trung thực, minh bạch, khách quan của kết quả xếp hạng.

Chương VII TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 38. Cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học

1. Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục đại học được phân bổ theo nguyên tắc quy định tại Luật Giáo dục và dựa trên sứ mạng cụ thể, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân lực trong một số ngành, lĩnh vực theo cơ chế sau đây:

a) Bảo đảm kinh phí đào tạo giáo viên, đào tạo tài năng; người học các ngành thuộc lĩnh vực năng khiếu nghệ thuật, thể thao;

b) Hỗ trợ kinh phí đào tạo các ngành khoa học cơ bản, ngành đặc thù, ngành cần thiết cho phát triển đất nước nhưng khó thu hút người học;

c) Cấp học bổng đối với người học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, người học các ngành kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi;

d) Đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo người học các ngành thuộc lĩnh vực ưu tiên.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định những nội dung sau đây:

a) Đối tượng, điều kiện, học bổng, mức hỗ trợ học phí;

b) Cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo;

c) Điều kiện áp dụng chính sách viện trợ, tài trợ cho giáo dục đại học;

d) Quyền tự chủ về tài chính, tài sản, đầu tư của cơ sở giáo dục đại học công lập, bao gồm việc huy động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước; cơ chế ưu đãi theo quy định của pháp luật; trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình.

Điều 39. Tài chính của Cơ sở giáo dục đại học công lập

1. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Kinh phí tài trợ, viện trợ, cho, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- c) Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ hỗ trợ giáo dục, sản xuất, kinh doanh;
- d) Nguồn vốn vay hợp pháp ở trong và ngoài nước;
- đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan; chi thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ sở giáo dục đại học công lập được thực hiện quyền tự chủ tài chính, sử dụng các nguồn thu hợp pháp cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục đại học khác, cụ thể như sau:

- a) Quyết định nội dung, mức chi từ nguồn thu học phí và các khoản thu sự nghiệp phù hợp với khả năng tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch;
- b) Thực hiện phân phối kết quả tài chính cuối năm theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập.

Điều 40. Quản lý tài chính của cơ sở giáo dục đại học tư thục

1. Cơ sở giáo dục đại học tư thục được thực hiện quyền tự chủ tài chính, tự chủ quyết định mức thu, chi, phân phối kết quả tài chính, trích lập quỹ theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở.

2. Cơ sở giáo dục đại học tư thục có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính.

3. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi hằng năm từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phải dành tối thiểu 25% đầu tư trở lại cho phát triển cơ sở giáo dục đại học và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Chênh lệch thu chi tích lũy hàng năm của cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là tài sản không phân chia của nhà trường, được sử dụng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.

Điều 41. Học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đại học

1. Cơ sở đào tạo xác định mức thu học phí theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, bảo đảm chất lượng; mức thu học phí của cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ sở đào tạo phải công khai chi phí đào tạo, mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh, các khoản thu dịch vụ khác cho từng trình độ, năm học, toàn khóa học; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu để thực hiện miễn, giảm, hỗ trợ học phí đối với người học có hoàn cảnh khó khăn, người học thuộc đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật và chính sách riêng của cơ sở đào tạo.

3. Mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đại học khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí hợp lý, thực tế phát sinh, bảo đảm minh bạch, đúng mục đích sử dụng.

4. Chính phủ quy định chi tiết về học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đại học.

Điều 42. Quản lý, sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học tư thực

1. Tài sản hợp nhất không phân chia bao gồm: tài sản được xác lập không phân chia theo quy định của pháp luật; tài sản được tài trợ, viện trợ, hiến tặng, cho tặng với điều kiện phải quản lý, sử dụng chung; là tài sản thuộc sở hữu chung không phân chia của cộng đồng nhà trường và được quản lý, sử dụng theo quy định sau đây:

a) Hội đồng trường cơ sở giáo dục đại học tư thực quản lý, sử dụng tài sản hợp nhất không phân chia vì mục tiêu phát triển bền vững của cơ sở giáo dục, phục vụ lợi ích chung; không được chuyển thành sở hữu cá nhân hoặc định giá phân chia trong mọi trường hợp;

b) Trường hợp chuyển nhượng vốn, tài sản hợp nhất không phân chia không được tính vào giá trị tài sản được định giá của cơ sở giáo dục đại học tư thực;

c) Trường hợp giải thể, tài sản hợp nhất không phân chia được chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, sử dụng cho mục đích phát triển giáo dục đại học.

2. Đối với tài sản thuộc sở hữu tư nhân của nhà đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở giáo dục đại học tự thực có quyền quản lý, sử dụng, định đoạt theo quy định của **Luật Doanh nghiệp** và quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm minh bạch, đúng mục đích hoạt động, không gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người học và cộng đồng.

3. Quyền sở hữu tài sản của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; việc quản lý, sử dụng tài sản phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, cam kết quốc tế có liên quan.

Chương VIII

HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ

Điều 43. Hợp tác, liên kết

1. Hoạt động hợp tác, liên kết trong nước và với nước ngoài của cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Hình thức hợp tác, liên kết trong giáo dục đại học thực hiện theo quy định của **Luật Giáo dục** và các hình thức sau đây:

a) Thành lập đơn vị chuyên môn, khoa, phân hiệu, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, phòng thí nghiệm trọng điểm;

b) Triển khai mạng lưới nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu gắn với đào tạo;

c) Phát triển, chuyển giao, sử dụng chương trình, học liệu, nền tảng số;

d) Thực hiện chương trình liên kết đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ; công nhận kết quả học tập đã tích lũy của người học;

đ) Thực hiện giải pháp nâng cao năng lực số; triển khai mô hình giáo dục đại học số, nền tảng đào tạo trực tuyến, chia sẻ tài nguyên học liệu mở;

e) Các hình thức hợp tác, liên kết khác theo quy định của pháp luật.

3. Hợp tác, liên kết trong giáo dục đại học phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với sứ mạng cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học, không hình thành pháp nhân mới;

b) Bảo đảm phù hợp với pháp luật Việt Nam, không phương hại đến quốc phòng và an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục, đạo đức, bản

sắc văn hóa dân tộc;

c) Minh bạch thông tin, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người học và các bên liên quan;

d) Tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Chính phủ quy định điều kiện, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm đối với hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo cấp văn bằng và chứng chỉ giáo dục đại học với nước ngoài.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hợp tác, liên kết đào tạo ở trong nước.

Điều 44. Đầu tư trong giáo dục đại học

1. Hoạt động đầu tư trong giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển giáo dục đại học, định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hoạt động đầu tư trong giáo dục đại học có yếu tố nước ngoài phải tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, pháp luật Việt Nam; bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng và an ninh, văn hóa, tư tưởng, chất lượng đào tạo và phát triển bền vững.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Khoản 4 Điều 10, khoản 4 Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 4 Điều 20, khoản 4 Điều 23, khoản 3 Điều 24, khoản 8 Điều 26, khoản 4 và khoản 5 Điều 29, khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 34, khoản 4 Điều 35, khoản 3 Điều 38 và khoản 4, khoản 5 Điều 43 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại Điều 46 của Luật này.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, hội đồng đại học công lập, hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập kết thúc hoạt động và có trách

nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho hiệu trưởng. Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo kết quả tiếp nhận bàn giao với cơ quan quản lý trực tiếp hoặc báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở giáo dục đại học không có cơ quan quản lý trực tiếp trong thời gian 03 tháng kể từ ngày hội đồng trường kết thúc hoạt động.

2. Các văn bản do hội đồng đại học công lập và hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập ban hành tiếp tục được áp dụng cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ của cấp có thẩm quyền, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ các quyết định về nhân sự theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hiệu trưởng, phó giám đốc đại học quốc gia, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập đã được công nhận hoặc bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với trường hợp quyết định công nhận hoặc bổ nhiệm có thời hạn kết thúc sau ngày 31 tháng 12 năm 2025, hiệu trưởng, phó giám đốc đại học quốc gia, phó hiệu trưởng tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ cho đến khi cơ quan quản lý trực tiếp có quyết định về nhân sự. Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, cơ quan quản lý trực tiếp hoàn thành việc bổ nhiệm hiệu trưởng, phó giám đốc đại học quốc gia, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật;

b) Đối với trường hợp quyết định công nhận hoặc bổ nhiệm có thời hạn kết thúc trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, cơ quan quản lý trực tiếp thực hiện quy trình bổ nhiệm hiệu trưởng, phó giám đốc đại học quốc gia, phó hiệu trưởng theo quy định của pháp luật.

4. Chức danh quản lý khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này do hội đồng trường bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ đến hết thời hạn bổ nhiệm.

5. Trường hợp đã được bổ nhiệm chức danh trợ giảng trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 được bảo lưu các chế độ phụ cấp đang áp dụng trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm rà soát, xếp lại bậc lương, chế độ phụ cấp phù hợp với vị trí việc làm theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Cơ sở giáo dục đại học công lập có trách nhiệm rà soát sứ mạng cụ thể, chiến lược phát triển phù hợp với quy định của Luật này, trình cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

7. Hồ sơ thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học, chuyển trường đại học thành đại học, liên kết

các trường đại học thành đại học, công nhận đại học quốc gia, đại học vùng, đã được nộp hợp lệ cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền đó tiếp tục thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ, kể cả trong trường hợp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đó đã điều chỉnh theo quy định của Luật này.

8. Cơ sở giáo dục đại học đã có quyết định thành lập, chia, tách, sáp nhập ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 tiếp tục thực hiện theo các nội dung ghi trong quyết định và phải đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 trong thời hạn 48 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trường hợp chuẩn cơ sở giáo dục đại học được sửa đổi, bổ sung trong thời hạn này thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Hồ sơ cấp phép hoạt động giáo dục đại học đã được nộp hợp lệ cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền đó tiếp tục thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ, kể cả trường hợp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đó đã điều chỉnh theo quy định của Luật này.

10. Hồ sơ mở ngành đào tạo đã được nộp hợp lệ cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền đó tiếp tục thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ, kể cả trường hợp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đó đã điều chỉnh theo quy định của Luật này.

11. Cơ sở đào tạo đã có quyết định mở ngành ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 tiếp tục thực hiện theo các nội dung ghi trong quyết định và phải đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo được ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trường hợp chuẩn chương trình đào tạo được sửa đổi, bổ sung trong thời hạn này thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học đã có quyết định cấp phép hoạt động, các địa điểm đào tạo đang triển khai thực hiện hoạt động giáo dục đại học trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được tiếp tục hoạt động và phải đáp ứng quy định về phân hiệu, địa điểm đào tạo của Luật này trong thời hạn 48 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trường hợp quy định về phân hiệu, địa điểm đào tạo được sửa đổi, bổ sung trong thời hạn này thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn